

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2021/DS-ST.

Ngày: 12/01/2021.

V/v tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đặng Thị Thanh Trinh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Ngọc Sương.

Bà Trần Thu Hồng.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Trần Thị Ngọc Thúy** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây tham gia phiên tòa: không tham gia.

Ngày 12 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 319/2020/TLST–DS ngày 25 tháng 11 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 141/2020/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:** Ngân hàng Thương mại cổ phần S.

Địa chỉ trụ sở chính: Số A, đường N, Phường B, Quận C, thành phố H.

Đại diện theo pháp luật: Nguyễn Đức Thạch D. Chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Nguyễn Văn G. Chức vụ: Giám đốc ngân hàng Thương mại cổ phần S– chi nhánh T.

Ông Nguyễn Văn G ủy quyền lại cho: Chị Trần Song Hạ Q. Chức vụ: Trưởng phòng giao dịch C theo giấy ủy quyền ngày 16/11/2020.

***Bị đơn:**

- Nguyễn Văn P, sinh năm 1964.

- Nguyễn Thị Thanh X, sinh năm 1980.

Cùng địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện G, tỉnh T.

(Chị Q có mặt, ông P có mặt, bà X có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng có chỉ Q trình bày:

Căn cứ Hợp đồng tín dụng số LD1809700305 ký ngày 13/04/2018 giữa ngân hàng Thương mại cổ phần S với ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị Thanh X ngân hàng cho ông P và bà X vay số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) như sau: Ngày vay: 17/04/2018, thời hạn vay: 06 năm, phương thức trả nợ: Vốn, lãi hàng tháng theo dư nợ giảm dần, ngày đáo hạn: 17/04/2024, lãi suất 12,5%/năm, điều chỉnh theo hợp đồng tín dụng, mục đích vay: sửa chữa nhà.

Tài sản bảo đảm: thửa đất số 12, tờ bản đồ số 16, diện tích 901,5 m², mục đích sử dụng: đất ở nông thôn 300m², đất trồng cây lâu năm 601,5 m², tọa lạc tại ấp T, xã Đ, huyện G, tỉnh T theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BC708153, vào sổ cấp giấy CH00282 do UBND huyện G, tỉnh T cấp ngày 22/07/2010 cho ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị Thanh X.

Trong quá trình vay vốn từ ngày 17/04/2018 ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị Thanh X đã thanh toán vốn lãi đến kỳ ngày 10/9/2019, từ khi phát sinh quá hạn đến ngày 17/8/2020, ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị Thanh X tiếp tục thanh toán cho ngân hàng được 41.138.522 đồng, kể từ đó đến nay ông P và bà X ngưng không thanh toán cho ngân hàng. Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở nhưng ông P, bà X không có khả năng trả dứt nợ cho ngân hàng.

Như vậy đến hết ngày 31/12/2020 ông P và bà X đã thanh toán cho ngân hàng tổng số tiền vốn là 109.894.000 đồng, tiền lãi là 49.561.266 đồng, lãi phạt là 513.956 đồng. Đến hết ngày 31/12/2020, ông P và bà X còn nợ ngân hàng số tiền vốn là 190.106.000 đồng, tiền lãi theo hợp đồng là 31.237.732 đồng, tiền lãi quá hạn là 2.287.530 đồng, lãi chậm trả phát sinh là 2.010.870 đồng, tổng cộng số tiền phải thanh toán là 225.642.132 đồng (tạm tính đến ngày 31/12/2020).

Nay ngân hàng yêu cầu tòa án giải quyết:

- Buộc ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị Thanh X phải trả ngay cho ngân hàng thương mại cổ phần S chi nhánh T với số tiền vốn gốc là 190.106.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 31.237.732 đồng, lãi quá hạn phát sinh là 2.287.530 đồng, lãi chậm trả phát sinh là 2.010.870 đồng, tổng cộng số tiền phải trả cho ngân hàng là 225.642.132 đồng. Tổng cộng số tiền phải thanh toán tạm tính đến ngày 31/12/2020 là 225.642.132 đồng, yêu cầu trả một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Sau ngày 31/12/2020 nếu ông P và bà X chậm thanh toán thì còn phải trả thêm tiền lãi và lãi chậm trả phát sinh của hợp đồng tín dụng trên cho đến khi trả hết nợ.

Đồng thời yêu cầu ông P, bà X trả lãi phát sinh theo hợp đồng và lãi chậm trả cho đến khi thanh toán nợ xong.

- Nếu ông P và bà X không thực hiện việc trả nợ, kính đề nghị tòa án yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp nêu trên cho ngân hàng để trả nợ.

- Tại bản tự khai ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị Thanh X cùng trình bày:

Ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị Thanh X là vợ chồng. Ông P, bà X thừa nhận có vay của Ngân hàng thương mại cổ phần S theo Hợp đồng tín dụng số LD1809700305 ký ngày 13/04/2018 số tiền là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng).

Hiện nay ông P, bà X còn nợ ngân hàng số tiền vốn và lãi là 225.642.132 đồng. Ông P, bà X đồng ý trả cho ngân hàng số nợ là 225.642.132 đồng nhưng do hoàn cảnh khó khăn không có khả năng trả nợ một lần, ông P và bà X đồng ý trả vốn và lãi nhưng xin trả dần hàng tháng xin trả mỗi tháng là 6.000.000 đồng, trả cho đến khi trả hết nợ 225.642.132 đồng.

Tại phiên tòa, ngân hàng xác định số tiền ông P, bà X còn nợ số tiền nợ gốc là 190.106.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 31.926.569 đồng, lãi quá hạn phát sinh là 2.439.267 đồng, lãi chậm trả phát sinh là 2.110.553 đồng. Tổng cộng số tiền phải thanh toán gồm vốn và lãi tạm tính đến ngày 12/01/2021 là 226.582.389 đồng (Hai trăm hai mươi sáu triệu, năm trăm tám mươi hai ngàn, ba trăm tám mươi chín đồng). Ngân hàng yêu cầu ông P, bà X trả một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa ông P, bà X đồng ý trả Tổng cộng số tiền phải thanh toán gồm vốn và lãi tạm tính đến ngày 12/01/2021 là 226.582.389 đồng (Hai trăm hai mươi sáu triệu, năm trăm tám mươi hai ngàn, ba trăm tám mươi chín đồng) nhưng do hoàn cảnh khó khăn xin trả dần mỗi tháng 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng), trả cho đến khi trả hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Quan hệ tranh chấp giữa Ngân hàng thương mại cổ phần S và ông Nguyễn Văn P, bà Nguyễn Thị Thanh X là tranh chấp hợp đồng vay tài sản được xem xét, giải quyết theo Điều 463 Bộ luật dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của ngân hàng, thấy rằng: Ngân hàng thương mại cổ phần S và ông Nguyễn Văn P, bà Nguyễn Thị Thanh X có ký hợp đồng tín dụng số LD1809700305 ngày 13/04/2018 vay vốn số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng), ngày 31/12/2020 ông P và bà X đã thanh toán cho ngân hàng tổng số tiền vốn là 109.894.000 đồng, tiền lãi là 49.561.266 đồng, lãi phạt là 513.956 đồng. Hiện nay ông P, bà X còn nợ ngân hàng số tiền vốn là 190.106.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 31.926.569 đồng, lãi quá hạn phát sinh là 2.439.267 đồng, lãi chậm trả phát sinh là 2.110.553 đồng. Tổng cộng số tiền phải thanh toán là 226.582.389 đồng (tạm tính đến ngày 12/01/2021). Đồng thời yêu cầu ông P, bà X trả lãi phát sinh theo hợp đồng và lãi chậm trả cho đến khi thanh toán nợ xong. Nếu ông P, bà X không thực hiện trả nợ thì yêu cầu tòa án tuyên cho ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp cho ngân hàng để trả nợ là đúng quy định pháp luật được chấp nhận.

[3] Tài sản đảm bảo là thửa đất số 12, tờ bản đồ số 16, diện tích 901,5m², mục đích sử dụng: đất ở tại nông thôn 300m², đất trồng cây lâu năm 601,5 m² tọa lạc tại ấp T, xã Đ, huyện G, tỉnh T theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BC708153, vào sổ cấp giấy CH00282 do

UBND huyện G, tỉnh T cấp ngày 22/07/2010 cho ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị Thanh X theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số LD1809700305 ngày 13/4/2018, được công chứng tại Phòng công chứng số 2 tỉnh T ngày 13/4/2018. Do đó, việc thế chấp tài sản nêu trên là hợp pháp, có giá trị thực hiện. Trường hợp ông P, bà X không thanh toán nợ hoặc thanh toán không đầy đủ thì tài sản đảm bảo nghĩa vụ trả nợ được xử lý theo quy định pháp luật.

[4] Xét yêu cầu của ông P, bà X tại phiên tòa đồng ý trả số tiền nợ gồm vốn và lãi là 226.582.389 đồng nhưng do hoàn cảnh khó khăn không có khả năng trả một lần, xin trả dần mỗi tháng là 6.000.000 đồng, trả cho đến khi trả hết số nợ. Việc trả dần của ông P, bà X là kéo dài thời gian trả nợ, gây thiệt thòi quyền lợi cho ngân hàng và không được đại diện ngân hàng đồng ý nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông P, bà X phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Áp dụng Điều 318, 320, 322, 463, 466 Bộ luật dân sự;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần S.

Buộc ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị Thanh X có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S tổng số tiền nợ gốc là 190.106.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 31.926.569 đồng, lãi quá hạn phát sinh là 2.439.267 đồng, lãi chậm trả phát sinh là 2.110.553 đồng. Tổng cộng số tiền phải thanh toán gồm vốn và lãi tạm tính đến ngày 12/01/2021 là 226.582.389 đồng (Hai trăm hai mươi sáu triệu, năm trăm tám mươi hai ngàn, ba trăm tám mươi chín đồng).

Thời gian trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Trong trường hợp ông P, bà X chậm trả số tiền nêu trên thì còn phải trả lãi

phát sinh kể từ ngày 13/01/2021 cho đến khi trả hết nợ gốc theo hợp đồng tín dụng số LD1809700305 ký ngày 13/04/2018 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần S và ông Nguyễn Văn P, bà Nguyễn Thị Thanh X.

* Kể từ khi Ngân hàng có đơn yêu cầu thi hành án nêu ông P, bà X không thực hiện trả tiền như trên thì tài sản thế chấp cho Ngân hàng gồm: Thửa đất số 12, tờ bản đồ số 16, diện tích 901,5m², mục đích sử dụng: đất ở tại nông thôn 300m² đất trồng cây lâu năm 601,5 m² tọa lạc tại ấp T, xã Đ, huyện G, tỉnh T theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BC708153, vào sổ cấp giấy CH00282 do UBND huyện G, tỉnh T cấp ngày 22/07/2010 cho ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị Thanh X theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất tài sản gắn liền với đất số LD1809700305 ngày 13/4/2018, được công chứng tại Phòng công chứng số 2 tỉnh T ngày 13/4/2018 giao cho Chi cục thi hành án dân sự huyện G phát mãi đảm bảo thi hành án.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Ông Nguyễn Văn P, bà Nguyễn Thị Thanh X phải chịu số tiền 11.329.000 đồng (mười một triệu ba trăm hai mươi chín ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

+ Hoàn lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền 5.555.000 đồng (Năm triệu năm trăm năm mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai số 0017002 ngày 25/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Gò Công Tây;
- Chi cục THADS H.Gò Công Tây;
- Các đương sự;
- Lưu.

Đặng Thị Thanh Trinh